TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66A/2017/DS-ST
Ngày: 15-8-2017
V/v:"Tranh chấp nợ hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hổ
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thôi

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Sum – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố BT, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ngọc Điệp**- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2017 về việc:"*Tranh chấp nợ hụi*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2017/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị B, sinh năm 1974 (Có mặt);

Nơi cư trú: Khu phố B, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972(Vắng mặt);
Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1971(Vắng mặt);

Cùng trú tại: Khu phố B, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: ấp BAB, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Bến Tre. Theo giấy ủy quyền tham gia tố tụng ngày 03/7/2017 (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị B trình bày:

Vào năm 2016, do có quen biết nên bà có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ hụi. Hụi khui ngày 28/10/2016 (âm lịch), một tháng khui hụi 01 lần; mỗi phần hụi đóng là 5.000.000đồng và dây hụi gồm 21 phần, bà tham gia chơi 01 phần. Bà đã đóng được 14 kỳ thì bà H tuyên bố bể hụi. Tổng số tiền hụi gốc bà đã đóng cho bà H là 44.010.000đồng. Đến ngày 25/12/2016 (âm lịch) bà H tuyên bố bể hụi, bà H đồng ý trả lại tiền vốn cho bà. Bà với bà H tính tổng cộng lại tiền vốn mà bà đã đóng hụi là 44.010.000đồng. Vào ngày 25/12/2016, bà H đã viết biên nhận trả tiền vốn hụi mà bà đã đóng tổng cộng là 44.010.000đồng.

Bà có yêu cầu bà H trả tiền nợ hụi nhiều lần nhưng bà H vẫn không trả. Nay bà yêu cầu bà H và chồng bà H là ông C có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi là 44.010.000đồng. Bà không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2017, bị đơn bà Nguyễn Mỹ H trình bày:

Bà H thừa nhận trước đây bà có làm chủ hụi, bà B có tham gia chơi hụi nhưng sau đó bị bể hụi. Bà có viết biên nhận nợ tiền hụi của bà B là 44.010.000đồng, số tiền bà ghi trong biên nhận nợ hụi là tiền vốn gốc mà các hụi viên đã đóng hụi, không có tiền lời hay tiền lãi. Bà đồng ý trả tiền nợ hụi cho bà B nhưng hiện nay bà không có tiền trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có mời bà đến hòa giải nhiều lần nhưng bà H vẫn không đến nên Tòa án không hòa giải được. Ông Nguyễn Ngọc C là chồng bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông C vẫn không đến Tòa án, vì vậy Tòa án không lấy ý kiến của ông C cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử. Về quan điểm giải quyết vụ án thấy rằng: Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật. Bà B có tham gia chơi 01dây hụi do bà H làm chủ. Bà H thừa nhận khoản nợ theo giấy biên nhận nợ mà bà H đã viết cho hụi viên là tiền vốn gốc và đồng ý trả. Do bà H và ông C là vợ chồng nên ông C có trách nhiệm liên đới trả số tiền 44.010.000đồng cho bà B. Ghi nhận bà B không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Xét đây là quan hệ tranh chấp nợ tiền nợ hụi giữa bà Lê Thị B với bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C; do bà H và ông C hiện nay đang cư trú tại phường Phú Khương, thành phố BT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT theo Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên hòa giải cho bà H và ông C nhiều lần nhưng bà H và ông C vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể hòa giải được. Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà H, ông C và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Bảo Q vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố BT tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H, ông C là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét thấy, việc bà B có chơi 01 phần hụi trong 01 dây hụi do bà H làm chủ hụi là có thật. Bà H thừa nhận bị bể hụi và ngừng không khui hụi nữa, bà H có viết biên nhận nợ tiền hụi gốc của bà B số tiền là 44.010.000đồng. Số tiền bà H ghi trong biên nhận nợ hụi là tiền vốn gốc không có tiền lời hay tiền lãi. Bà H đồng ý trả tiền nợ hụi cho bà B nên buộc bà H trả nợ cho bà B là phù hợp. Tuy nhiên bà H không đồng ý về việc ông C liên đới trách nhiệm với bà trả nợ do ông C không liên quan gì đến việc chơi hụi của bà, mọi việc góp hụi một mình bà làm, ông C không có tham gia góp hụi.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: mặc dù ông C không tham gia góp hụi với bà H nhưng bà H cũng thừa nhận ông C biết việc này đồng thời bà thừa nhận bà làm chủ hụi cách đây khoảng hai mươi mấy năm nên buộc ông C phải biết việc bà H làm chủ hụi; Ngoài ra bà H thừa nhận mục đích chơi hụi của bà là lấy tiền huê hồng (tiền thảo) do các

hụi viên đóng để lo cho gia đình mình trong khi ông C và bà H có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 19/4/2002 tại Ủy ban nhân dân phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Đồng thời căn cứ biên bản làm việc ngày 23/3/2017 thì ông C trình bày ông biết việc bà H làm chủ hụi và đồng ý liên đới trách nhiệm trả nợ hụi với bà H nên ông C và bà H phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hụi cho bà B là phù hợp

Xét yêu cầu của bà B về việc buộc ông C và bà H có trách nhiệm liên đới trả cho bà B tiền nợ hụi 44.010.000đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Lê Thị B không phải chịu án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là (44.010.000đồng x 5%) 2.200.500(Hai triệu hai trăm ngàn năm trăm)đồng, bị đơn bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C có trách nhiệm liên đới chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 357, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về họ, hụi, biêu, phường;
- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị B, cụ thể tuyên:

Buộc bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị B số tiền nợ hụi là 44.010.000(Bốn mươi bốn triệu không trăm mười ngàn)đồng. Ghi nhận bà B không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền bồi thường nêu trên nếu chưa được thi hành thì hàng tháng còn phải trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. *Về án phí*: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.200.500(Hai triệu hai trăm ngàn năm trăm)đồng, bị đơn bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C có trách nhiệm liên đới chịu.

Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố BT, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Lê Thị B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.100.000(Một triệu một trăm ngàn)đồng theo biên lai số 0010349 ngày 20 tháng 3 năm 2017.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP BT;
- VKSND Thành phố BT;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang